TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
_____	*Y, ngày 10 tháng 3 năm 2023*
Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1982.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: xóm B, xã B1, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N.

2**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N có 02 con chung tên là Bùi Văn S, sinh ngày 03/02/2002 và cháu Bùi Quang S1, sinh ngày 10/10/2010. Cháu S đã trên 18 tuổi và có công việc ổn định nên chị V, anh N không có yêu cầu gì. Chị

V và anh N thỏa thuận thống nhất giao cháu Bùi Quang S1, sinh ngày 10/10/2010 cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu S1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị V chưa yêu cầu anh Bùi Văn N có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Anh Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng chị V tự nguyện nhận nộp cả phần án phí của anh N nên số tiền án phí chị V phải nộp là 150.000 đồng, chị V được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002433 ngày 31/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Chị Bùi Thị V còn được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã B1;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hảo